

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 8 - 2019
“V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Huy;

2. Bà Trịnh Trần Tuyết Trinh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 / 8 / 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 223/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-HN ngày 01 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Nguyễn Hồng H, sinh năm 1996, nơi cư trú: Số 3/5, Khu phố H, phường D, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông Lê Minh Ph, sinh năm 1995, nơi cư trú: Tổ 12, khóm Q, phường T, thành phố D, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1972;

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2019 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Nguyễn H H trình bày: Bà với ông Ph quen biết nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có con chung tên Lê Đình Minh T, sinh ngày

17/11/2016. Nhưng, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã nhau nhiều lần, nên cuộc sống không hạnh phúc. Nay, nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt, bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Ph; Về con chung yêu cầu được nuôi dạy, không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết;

Ông Lê Minh Ph trình bày: ông với bà H tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, sau khi kết hôn ông với bà H cùng sống tại nhà bà H số 3/5, Khu phố H, phường D, thị xã A, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng, về sau phát sinh mâu thuẫn do bà H có quan hệ bất chính với một thanh niên khác. Đến tháng 6 năm 2018(AL), ông với bà H cùng với con chung về nhà ông tại khóm Q, phường T, thành phố D, nhưng nửa đêm ngày hôm sau thì bà H tự ý bỏ đi, kể từ đó đến nay bà H không chăm sóc con chung. Do đó, Về tình cảm ông Ph đồng ý ly hôn; Về con chung có yêu cầu được nuôi dạy con chung; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Bích V trình bày: Sau khi kết hôn thì Ph và H sống nhà bên vợ tại số 3/5, Khu phố H, phường D, thị xã A, tỉnh Bình Dương, đến tháng 6 năm 2018(AL) thì H-Ph có về nhà bà chơi, nhưng hai hôm sau H tự ý bỏ đi không lý do nên không còn chung sống với ông Ph kể từ đó đến nay. Hiện nay, Lê Minh Ph đang đi làm ăn ở tỉnh Long An, bà nhận thay văn bản tổng đạt và cam kết giao lại cho Lê Minh Ph; Về con chung của H-Ph tên Lê Đình Minh T, sinh ngày 17/11/2016, kể từ khi H-Ph không còn sống chung thì cháu T do bà với Ph nuôi dạy và cũng từ đó đến nay H không liên lạc thăm hỏi con chung;

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Sau khi H - Ph kết hôn thì sống cùng với bà tại số 3/5, Khu phố H, phường D, thị xã A, tỉnh Bình Dương. Đến khoảng tháng 8 năm 2018 H- Ph cùng con chung về dự đám cưới quê nhà của Ph tại khóm Q, phường T, thành phố D, nhưng không biết xảy ra mâu thuẫn thế nào mà H giành giật con chung với Ph, đồng thời mẹ chồng là bà V nói nếu H còn ở đây thì sẽ có án mạng xảy ra, nên H bỏ về. Trong thời gian ly thân, tất cả tiền, sữa, tã, quần áo gửi về cho cháu T từ trước đến nay đều do H gửi bằng xe Huệ Nghĩa hoặc người thân của gia đình Ph nhận;

Tại phiên tòa,

Bà H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện được ly hôn với ông Ph; Về con chung: trong thời gian ly thân, không còn chung sống với ông Ph, bà thường xuyên cùng mẹ là Nguyễn Thị H đến thăm con chung, nhưng gia đình Ph không cho gặp mặt, nhưng hàng tháng bà thường xuyên gửi đồ, tiền sữa về cho con chung; Hiện nay con chung còn nhỏ, chưa được 36 tháng tuổi, hơn nữa về điều kiện nuôi dạy con chung, bà có điều kiện hơn Ph. Do đó, bà yêu cầu Tòa án buộc bà V, ông Ph giao con chung cho bà được nuôi dạy, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết;

Ông Ph thống nhất ly hôn; Về con chung ông Ph cho rằng từ khi ly thân với bà H thì con chung sống với ông, hiện ông có thu nhập 6.000.000đồng/tháng

từ việc làm thợ sơn cửa sắt, do làm hưởng lương ngày, nên ông không cung cấp được bảng lương, nhưng ông có yêu cầu được nuôi dạy con chung; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật tranh chấp;

Thu thập chứng cứ phù hợp qui định tại Điều 97, 98 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn cấp tổng đạt thực hiện đúng qui định.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Thấy rằng, giữa bà H, ông Ph tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, nên Ph sinh quyền nghĩa vụ vợ chồng; ông Ph với bà H là vợ chồng, trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn và không còn sống chung từ tháng 6 năm 2018(AL) đến nay, bà H khởi kiện ly hôn, ông Ph đồng ý ly hôn. Xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H; Về con chung trong thời kỳ hôn nhân H-Ph có con chung tên Lê Đình Minh T, sinh ngày 17/11/2016 cả ông Ph, bà H đều có yêu cầu nuôi dạy, xét thấy cháu T đến nay là chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Xét thấy, bà H có đủ điều kiện để nuôi dạy con, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà H nuôi dạy; Về tài sản chung, nợ chung H-Ph không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét;

Các đương sự cùng xác định ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ph. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; ông Ph có nơi cư trú tại phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc; bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí nên tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: bà H với ông Ph tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 81 do Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/7/2016 nên hôn nhân giữa bà H, ông Ph là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng;

Bà H, ông Ph đều cho rằng, sau khi kết hôn, thì ông bà (H-Ph) sống tại số 3/5 phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nhà bà H); thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không cùng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đã ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, nên cả hai thuận tình ly hôn;

Xét về thuận tình ly hôn của bà H, ông Ph thấy rằng: Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*” Thế nhưng vợ chồng bà H, ông Ph không còn chung sống từ cuối năm 2018 đến nay, điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất bà H, ông Ph ly hôn;

[2.2] Xét về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H với ông Ph cùng thống nhất có con chung tên Lê Đình Minh T, sinh ngày 17/11/2016; bà H và ông Ph đều có yêu cầu được nuôi dạy con chung;

Xét về điều kiện nuôi dạy con chung thấy rằng: Trong quá trình tố tụng ông Ph cho rằng mỗi ngày đi làm thuê, hiện là thợ sơn cửa sắt tại phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc có thu nhập mỗi ngày 200.000(hai trăm ngàn đồng), nhưng ông Ph không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về thu nhập của ông cho tòa án. Ngoài ra, bà V là mẹ ruột của ông Ph có lời khai cho rằng ông Ph đang làm thuê tại tỉnh Long An(bút lục 25). Từ lời khai của ông Ph và bà V là mẹ ruột ông Ph có đủ cơ sở xác định ông Ph chưa có thu nhập ổn định;

Xét về điều kiện nuôi con của bà H, thấy rằng tại bản xác nhận ngày 01 tháng 7 năm 2019 do Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xác nhận bà H có thu nhập từ việc mua bán quán thức ăn tại địa phương với thu nhập 12.000.000đồng/tháng (bút lục 26), ông Ph thừa nhận gia đình bà H chỉ có bà H và mẹ bà H, thời gian còn chung sống ông có tiếp gia đình bà H bán quán thức ăn tại nhà. Hơn nữa, bà H xác định đã giao quán thức ăn cho H bán. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng bà H có thu nhập đủ điều kiện để nuôi dạy con chung.

Tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: ”*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”

Từ những cơ sở đã diện vắn trên, Hội đồng xét xử xét thấy vì lợi ích của cháu T, Hội đồng xét xử cùng thống nhất giao con chung H-Ph cho bà H được nuôi dạy;

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Ph trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ông Ph cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở việc bà H trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Tại phiên tòa bà H bổ sung yêu cầu Tòa án buộc ông Ph, bà V giao con chung cho bà nuôi dạy. Xét thấy, việc bổ sung yêu cầu của bà H không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định nên được chấp nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi dạy con chung*: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha mẹ. Do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con...;

Đối chiếu với quy định nêu trên, lẽ ra ông Ph phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà H chỉ yêu cầu nuôi dạy con chung, không yêu cầu cấp dưỡng và cho rằng có đủ khả năng nuôi dạy con chung. Xét thấy, việc bà H không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và bà có đầy đủ khả năng đảm bảo cuộc sống của con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ông Ph không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Ph không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H:

- *Về hôn nhân:*

Bà Đinh Nguyễn Hồng H, sinh năm 1996 được ly hôn ông Lê Minh Ph, sinh năm 1990;

Giấy chứng nhận kết hôn số 81 do Ủy ban nhân dân phường Đồng Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/7/2016 không còn giá trị pháp lý;

- *Về con chung:*

Bà Đinh Nguyễn Hồng H được nuôi dạy con chung tên Lê Đình Minh T, sinh ngày 17/11/2016, ông Ph không phải cấp dưỡng nuôi con;

Buộc ông Ph, bà V giao Lê Đình Minh T, sinh ngày 17/11/2016 cho bà Đinh Nguyễn Hồng H nuôi dạy.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Ph trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ông Ph cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở việc bà H trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không đề cập xem xét.

- *Về án phí:*

Bà Đinh Nguyễn Hồng H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số TU/2015/ 0008064 ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà H đã nộp đủ.

Ông Ph không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà H, ông Ph có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Văn Đức